

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2013/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 5 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định cụ thể một số nội dung về thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giao thông Đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002;

Căn cứ Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 197/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định mức thu phí và tỷ lệ (%) phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô được để lại cho các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 302/TTr-STC ngày 29 tháng 8 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định cụ thể một số nội dung về thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Phú Thọ như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

- Đối tượng chịu phí: Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ bao gồm: xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy (sau đây gọi chung là xe mô tô);

- Người nộp phí: Các tổ chức, cá nhân sở hữu; sử dụng hoặc quản lý xe mô tô (sau đây gọi chung là chủ phương tiện).

2. Các trường hợp miễn phí sử dụng đường bộ:

- Xe mô tô của lực lượng Công an, Quốc phòng;

- Xe mô tô của chủ phương tiện thuộc các hộ nghèo theo quy định của pháp luật về hộ nghèo.

3. Mức thu phí:

Mức phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô (không bao gồm xe máy điện), thời gian thực hiện kể từ ngày 01/01/2013:

STT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng/năm)
1	Loại có dung tích xy lanh đến 100 cm ³	
	- Xe mô tô của chủ phương tiện trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn;	50
	- Xe mô tô của chủ phương tiện trên địa bàn xã còn lại (không phải là các xã đặc biệt khó khăn);	70
	- Xe mô tô của chủ phương tiện trên địa bàn các phường, thị trấn;	100
2	Loại có dung tích xy lanh trên 100 cm ³	
	- Xe mô tô của chủ phương tiện trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn;	105
	- Xe mô tô của chủ phương tiện trên địa bàn xã còn lại (không phải là các xã đặc biệt khó khăn);	130
	- Xe mô tô của chủ phương tiện trên địa bàn các phường, thị trấn;	150
3	Xe chở hàng 4 bánh có gắn động cơ một xy lanh	2.160

4. Cơ quan thu, phương thức thu, nộp phí sử dụng đường bộ:

a) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) là cơ quan thu phí đối với xe mô tô của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân (chủ phương tiện) trên địa bàn.

b) UBND cấp xã có trách nhiệm:

- In tờ khai phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô theo Mẫu số 02/TKNP tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư 197/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính;

- Chỉ đạo Tổ trưởng dân phố (hoặc Trưởng thôn) phát tờ khai và hướng dẫn kê khai phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô của chủ phương tiện trên địa bàn theo Mẫu số 02/TKNP tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư 197/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính;

- UBND cấp xã thực hiện lập sổ quản lý sử dụng đối với xe mô tô trên địa bàn theo mẫu quy định;

- Tổ chức thu, nộp, quản lý, quyết toán chi phí và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình thu nộp phí và sử dụng Biên lai thu phí theo quy định.

c) Tổ trưởng dân phố hoặc Trưởng thôn có trách nhiệm hướng dẫn chủ phương tiện kê khai theo mẫu, sau đó thu phí và tờ khai nộp về UBND cấp xã. Trường hợp người nộp phí đã có mã số thuế cá nhân thì ghi mã số thuế, trường hợp chưa có mã số thuế thì ghi số chứng minh nhân dân; Tờ khai chỉ áp dụng đối với Chủ phương tiện thực hiện khai lần đầu và khai bổ sung khi có phát sinh tăng, giảm phương tiện.

d) Chủ phương tiện thực hiện khai, nộp phí như sau:

- Đối với xe mô tô phát sinh trước ngày 01/01/2013, thì tháng 9/2013 thực hiện kê khai, nộp phí cả năm 2013, mức thu phí 12 tháng.

- Đối với xe mô tô phát sinh từ ngày 01/01/2013 trở đi thì việc kê khai, nộp phí thực hiện như sau:

+ Thời điểm phát sinh từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013, chủ phương tiện phải kê khai, nộp phí, mức thu phí bằng 1/2 mức thu năm. Thời điểm khai nộp chậm nhất là ngày 15/10/2013.

+ Thời điểm phát sinh từ 01/7/2013 đến 31/12/2013, chủ phương tiện thực hiện kê khai, nộp phí vào tháng 01/2014 (chậm nhất ngày 31/01) và không phải nộp phí đối với thời gian còn lại của năm 2013.

- Đối với xe mô tô phát sinh từ ngày 01/01/2014 trở đi thì việc kê khai, nộp phí thực hiện như sau:

+ Thời điểm phát sinh từ ngày 01/01 đến 30/6 hàng năm, chủ phương tiện phải kê khai, nộp phí đối với xe mô tô, mức thu phí bằng 1/2 mức thu năm. Thời điểm khai nộp chậm nhất là ngày 31/7.

+ Thời điểm phát sinh từ 01/7 đến 31/12 hàng năm, thì chủ phương tiện thực hiện kê khai, nộp phí vào tháng 1 năm sau (chậm nhất ngày 31/1) và không phải nộp phí đối với thời gian còn lại của năm phát sinh.

e) Đối với trường hợp chuyển nhượng, phương tiện đổi biển kiểm soát theo quy định, bên chuyển nhượng đã nộp phí, chủ phương tiện sau khi nhận chuyển nhượng phải có xác nhận của cơ quan công an nơi đăng ký đã nộp phí sử dụng đường bộ (Việc xác nhận được ghi vào mặt sau của biên lai thu phí, thủ trưởng cơ quan công an nơi đăng ký ký tên và đóng dấu);

5. Chứng từ thu phí:- Cơ quan thu phí sử dụng biên lai thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô (theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 197/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính) mua tại cơ quan thuế;

- Khi thực hiện thu phí, người trực tiếp thu phí phải hướng dẫn chủ phương tiện kê khai phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 02/TKNP (Phụ lục số 04) ban hành kèm theo Thông tư số 197/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính, lập và cấp biên lai thu phí cho chủ phương tiện theo quy định;

- Cơ quan thuế có trách nhiệm hướng dẫn UBND cấp xã các thủ tục mua biên lai phí sử dụng đường bộ theo quy định, cách lập các chứng từ sổ sách (phiếu nhập ấn chỉ, sổ theo dõi nhập, xuất, tồn kho ấn chỉ; thanh toán biên lai và báo cáo tình hình sử dụng biên lai cho Chi cục thuế (nơi nhận biên lai).

6. Quản lý, sử dụng nguồn phí thu được:

a) Tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí để trang trải chi phí tổ chức thu như sau:

- Đối với các xã đặc biệt khó khăn được để lại 20% số phí thu được;
- Đối với các xã còn lại được để lại 15% số phí thu được;
- Đối với các phường, thị trấn được để lại 10% số phí thu được.

b) Số tiền phí để lại cho UBND cấp xã được sử dụng như sau:

Số tiền được trích để lại theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 1 Quyết định này được coi là 100% và được sử dụng như sau:

- Chi thanh toán cho cá nhân trực tiếp thực hiện thu phí:
 - + Đối với các xã đặc biệt khó khăn: 70% số tiền phí được để lại.
 - + Đối với các xã còn lại: 60% số tiền phí được để lại.
 - + Đối với phường, thị trấn: 50% số tiền phí được để lại.

Căn cứ vào kết quả công việc, UBND cấp xã thực hiện chi bồi dưỡng cho cá nhân trực tiếp thu phí sử dụng đường bộ đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch và đúng quy định.

- Số còn lại UBND cấp xã sử dụng cho việc chi phí vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, chi mua biên lai, in tờ khai... và các chi phí khác phục vụ trực tiếp cho công tác thu phí trên địa bàn;

- Hàng năm UBND cấp xã lập dự toán và quyết toán nguồn phí được để lại tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

c) Số tiền phí thu được sau khi trích để lại theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 1 Quyết định này, UBND cấp xã thực hiện nộp vào tài khoản của Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Phú Thọ mở tại Kho bạc Nhà nước và chịu trách nhiệm kê khai, báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

Thời hạn nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước tối đa không quá 5 ngày kể từ ngày thu tiền phí đối với địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, không quá 3 ngày đối với các xã, phường, thị trấn còn lại; Trường hợp số tiền phí thu được vượt quá 10 triệu đồng thì phải nộp vào Kho bạc Nhà nước theo quy định ngay trong ngày hoặc chậm nhất là sáng ngày làm việc tiếp theo.

7. Các nội dung khác có liên quan không quy định trong Quyết định này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 197/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài

chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Phú Thọ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức tập huấn, truyền truyền, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thu nộp, quản lý, sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh.

2. Cục Thuế tỉnh thực hiện việc in, phát hành, quản lý biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô theo quy định của Bộ Tài chính và Tổng cục thuế; phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn và tổ chức kiểm tra các đơn vị thu phí theo quy định của pháp luật;

3. Kho bạc Nhà nước tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, hướng dẫn UBND xã nộp tiền phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô vào tài khoản của Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh, mở tại Kho bạc Nhà nước huyện theo quy định hiện hành.

4. UBND các huyện, thành, thị có trách nhiệm tổ chức phổ biến, tuyên truyền, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thu, nộp, quản lý sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô tại UBND cấp xã theo quy định. Định kỳ báo cáo Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh về tình hình thu, nộp, quản lý sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, UBND các xã, phường, thị trấn báo cáo kịp thời với UBND cấp huyện để tổng hợp gửi Văn phòng Quỹ bảo trì đường bộ, Hội đồng Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh đề báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Tài chính, Giao thông Vận tải, Công an tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP, Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Giao thông Vận tải;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể của tỉnh;
- Sở Tư pháp (3b);
- Công báo tỉnh (2b);
- CVP, PCVP (Ô Kiên);
- CV NCTH;
- Lưu: VT, TH2.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Chu Ngọc Anh